

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH H **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ - ST
Ngày 25/01/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình,
con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H – TỈNH H

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đỗ Quang L.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - 1/ Ông Trần Hữu S.
 - 2/ Bà Vũ Thị Thùy Đ.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Bùi Mạnh Q – Thư ký.
- **Đại diện VKSND tp. H:** Bà Trần Thị Y - Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Tranh chấp hôn nhân - gia đình thụ lý số: 167/2018/TLST - HNGĐ ngày 05/12/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXX ngày 11/01/2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Chị Phạm Thị N** – sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn A, xã Liên P, thành phố H, tỉnh H.

Chỗ ở: Số 425, đường V, phường N, TP N, tỉnh N.

- Có mặt tại phiên Tòa.

*** Bị đơn: Anh Lều Văn T** – Sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh H.

- Vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Cháu Lều Ngọc Minh C, sinh ngày 15/8/2009.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh H.

Chỗ ở: Số 425, đường V, phường N, TP N, tỉnh N.

- Vắng mặt tại phiên Tòa có lý do.

Đại diện theo pháp luật cho cháu C: Chị Phạm Thị N là mẹ đẻ của cháu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Phạm Thị N và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, cùng diễn biến tại phiên Tòa, thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Phạm Thị N và anh Lều Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố H vào ngày 06/3/2003. Sau

khi kết hôn cả hai anh chị về sống chung tại nhà của bố mẹ đẻ anh T tại **Thôn A, xã Liên Phương, thành phố H, tỉnh H**. Quá trình chung sống, theo chị N trình bày thì vợ chồng chị sống hạnh phúc được khoảng 04 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, một mình chị phải đứng lên trang trải trả nợ. Khi chị khuyên can để vợ chồng tu chí làm ăn thì anh T không nghe mà lại chửi bới đánh đập chị nhiều lần. Do mâu thuẫn quá căng thẳng và kéo dài không thể chịu đựng được, nên vào khoảng tháng 6/2013 chị đã mang con về tập thể Trường tiểu học xã C, huyện T, tỉnh H nơi chị dạy học ở đó và từ đó hai người sống ly thân nhau từ đó cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa. Mặc dù chị ở tại tập thể của trường ly thân anh T nhưng anh T vẫn không để cho mẹ con chị yên mà lại tiếp tục đến chửi bới đánh đập chị khi công an xã và cán bộ trường đến can thiệp, thì anh T còn gây sự đòi đánh cả những người can ngăn. Do lo sợ anh T tiếp tục đến hành hung gây bất ổn cuộc sống, nên vào tháng 7/2018 chị đã xin chuyển công tác về dạy học tại trường tiểu học xã N, huyện H, tỉnh N.

Nay chị xác định không còn tình cảm, nên không thể chung sống được với anh T nữa, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn nhau để giải phóng cho cả hai bên.

*** Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Lều Văn T trình bày:**

Anh và chị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố H vào ngày 06/3/2003, theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng anh bình thường. Năm 2014 bố anh mất, còn mình mẹ anh, nên vợ chồng anh muốn về ở chung với mẹ anh để chăm sóc mẹ anh. Trong thời gian ở chung với mẹ anh được vài tháng thì xảy ra mâu thuẫn lời qua tiếng lại giữa mẹ chồng và nàng dâu. Đến khoảng cuối năm 2014, chị N lấy có là con chuẩn bị vào lớp 1 nên muốn hai mẹ con xuống dưới xã C, T thuê nhà trọ để tiện cho con đi học và tiện cho chị N dạy học tại trường và từ đó vợ chồng không chung sống cùng nhau cho đến nay. Thời gian chị N thuê nhà trọ, anh vẫn thỉnh thoảng xuống thăm con lúc rảnh rỗi. Đầu năm 2018 chị N chuyển công tác về N, anh đã nhiều lần liên lạc nhưng không được.

Nay chị N có đơn xin ly hôn anh, thì anh xác định vẫn còn tình cảm với chị N, nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị N cứ cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để giải quyết.

- **Về con chung:** Chị N và anh T đều khẳng định là vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Lều Ngọc Minh C, sinh ngày 15/8/2009, hiện đang ở với chị N. Quan điểm của chị N xin được tiếp tục nuôi cháu, vì cháu ở với chị từ bé và hiện đang đi học tại nơi chị dạy học, cuộc sống đã ổn định. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị.

Quan điểm của anh T: Nếu ly hôn anh xin được nuôi con chung và anh không yêu cầu chị N phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh. Nếu cháu Lều Ngọc Minh C có nguyện vọng xin được ở với chị N, thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Chị N và anh T đều khẳng định là không có gì, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Lều Ngọc Minh C trình bày:** Cháu là con của bố T và mẹ N hiện cháu đang ở với mẹ cháu và đang đi học lớp 4 trường tiểu học xã N, huyện H, tỉnh N nơi mẹ cháu công tác. Cháu được biết bố mẹ cháu hay cãi nhau và bố cháu hay chửi và đánh mẹ cháu, có lần đánh mẹ cháu tại xã C, T công an xã C và các bác, các cô giáo viên ở trường phải can ngăn.

Nay mẹ cháu làm đơn xin ly hôn với bố cháu, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì cháu xin được tiếp tục ở với mẹ cháu, vì cháu ở với mẹ cháu từ bé, mẹ cháu rất quan tâm chăm sóc, dạy dỗ cháu rất chu đáo.

* **Ban công an xã C, huyện T, tỉnh H cung cấp:** Chị Phạm Thị N là giáo viên trường Tiểu học xã C. Năm 2013 chị Nguyễn có đăng ký tạm trú với ban công an xã C. Trong thời gian chị N tạm trú tại xã vào năm 2015 chồng chị N là anh Lều Văn T có xuống chỗ trọ của mẹ con chị N, hai anh chị có xảy ra xô sát, nguyên nhân xảy ra xô sát về vấn đề gì thì ban công an xã không nắm được. Ban công an xã đã can thiệp, do không có việc gì xảy ra nghiêm trọng, mọi người giải tán, nên ban công an xã không lập biên bản.

***UBND xã L, TP H cung cấp:** Anh Lều Văn T và chị Phạm Thị N kết hôn với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã vào ngày 06/3/2003, theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống tại địa phương, chưa khi nào thấy vợ chồng anh T chị N làm đơn đề nghị địa phương giải quyết mâu thuẫn của vợ chồng, nên địa phương không nắm được vợ chồng anh T chị N mâu thuẫn về vấn đề gì. Địa phương chỉ nắm được là vợ chồng anh T, chị N không còn chung sống với nhau ở địa phương từ năm 2014 cho đến nay. Chị N đi đâu làm gì không trình báo với địa phương, nên địa phương không nắm được thông tin của chị N.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn chị Phạm Thị N vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh T, về con chung chị có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản và công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp chung: Chị khẳng định là không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Lều Văn T: Có mặt tại phiên Tòa, sau phần thủ tục tại phiên Tòa xong, chuyển sang phần tranh tụng anh T đã cãi nhau với chị N và tự bỏ về không tham gia tố tụng.

Đại diện VKSND thành phố H phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử. Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án: Dương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về lệ phí, án phí Tòa án.

- Về tình cảm: Xử cho chị N được ly hôn anh T; Về con chung: Giao cháu Lều Ngọc Minh C, sinh ngày 15/8/2009 cho chị N nuôi đến khi cháu 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp: Chị N và anh T đều khẳng định là không có gì và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và xác định thẩm quyền: Chị Phạm Thị N và anh Lều Văn T có thời gian tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố H vào ngày 06/3/2003, theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Chị N có Hộ khẩu thường trú tại UBND xã L, TP H và tháng 7/2018 chị đã xin chuyển công tác về dạy học tại trường tiểu học xã N, huyện H, tỉnh N. Nay chị N khởi kiện anh T, yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Anh T có hộ khẩu thường trú tại: **Thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh H**. Tại phiên Tòa án T có mặt đến phần tranh tụng đã tự bỏ về do đó HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt anh T. Căn cứ vào khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và Ban công an xã C, huyện T, tỉnh H cùng lời trình bày của cháu Lều Ngọc Minh C là con chị N và anh T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, thì thấy rằng: Chị N và anh T chung sống với nhau hạnh phúc chỉ được khoảng 4 - 5 năm đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vấn đề kinh tế, nợ nần, cộng với việc mâu thuẫn giữa chị N và mẹ chồng, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn nên vào khoảng tháng 6/2013 chị N đã mang con đi thuê nhà trọ gần Trường tiểu học xã C, huyện T, tỉnh H nơi chị dạy học ở đó và từ đó hai người sống ly thân nhau từ đó cho tới nay cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa. Mặc dù chị ở tại tập thể của trường ly thân anh T nhưng anh T vẫn không để cho mẹ con chị yên mà lại tiếp tục đến chửi bới đánh đập chị, dẫn đến ban công an xã C, huyện T phải can thiệp. Do lo sợ anh T tiếp tục đến hành hung gây bất ổn cuộc sống, nên vào tháng 7/2018 chị N đã xin chuyển công tác về dạy học tại trường tiểu học xã N, huyện H, tỉnh Ninh B. Nay chị N khởi kiện xin ly hôn với anh T. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không có hạnh phúc và cả hai anh chị ly thân đã lâu từ năm 2014 cho tới nay, không hề quan tâm gì tới nhau nữa, chính anh T cũng

thừa nhận điều này. Do đó, căn cứ vào điều 51, 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn với anh T.

Xét yêu cầu xin đoàn tụ của anh T thì thấy rằng: Anh T thừa nhận là vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2014 cho tới nay, cả hai bên không hề quan tâm gì tới nhau nữa. Mặt khác anh T xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên Tòa tự bỏ về không để Tòa án Hòa giải và phân tích để vợ chồng hàn gắn tình cảm, chứng tỏ việc anh T không đồng ý ly hôn với chị N chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị N mà thôi. Do vậy không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh T.

[3] Về con chung: Chị N và anh T đều khẳng định là vợ chồng anh, chị có 01 con chung là cháu Lều Ngọc Minh C, sinh ngày 15/8/2009, hiện đang ở với chị N. Quan điểm của chị N xin được tiếp tục nuôi cháu, vì cháu ở với chị từ bé và hiện đang đi học tại nơi chị dạy học, cuộc sống đã ổn định. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh T phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho chị. Nguyên vọng của cháu C xin được tiếp tục ở với chị N.

Quan điểm của anh T: Nếu ly hôn anh xin được nuôi con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung: anh không yêu cầu chị N phải đóng góp phí tổn nuôi con chung cho anh. Nếu cháu Lều Ngọc Minh C có nguyện vọng xin ở với chị N, thì anh cũng đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

HĐXX xét thấy nguyện vọng của chị N và cháu C là chính đáng, vì cháu ở với chị N từ bé và hiện đang đi học tại nơi chị dạy học, cuộc sống đã ổn định và cháu C là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn và chị N là người có điều kiện chăm sóc cháu hơn anh T. Anh T có quan điểm là nếu cháu C có nguyện vọng xin ở với chị N thì anh cũng nhất trí như vậy là cũng phù hợp với quan điểm của anh T. Do đó cần tiếp tục giao cháu C cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu C.

Sau khi ly hôn anh T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Lều Văn T đều khẳng định là vợ chồng không có tài sản, không nợ ai về tài sản, cũng như không có công sức đóng góp, tu tạo gì đối với tài sản của hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp không có, nên cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân - gia đình năm 2014. Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị N được ly hôn với anh Lều Văn T.

2. Về con chung: Giao Cháu Lều Ngọc Minh C, sinh ngày 15/8/2009, cho chị Phạm Thị N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, tự lập được.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Lều Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Sau khi ly hôn, anh Lều Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, ruộng canh tác nông nghiệp chung: Chị Phạm Thị N và anh Lều Văn T đều khẳng định là vợ chồng không có gì, nên cả hai anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0000223 ngày 04 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn chị N có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND nơi thường trú.

T/M HĐXX

Thẩm phán

Đỗ Quang L

